

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 01...../HĐMB/PM-2026

- Căn cứ Bộ luật dân sự của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, số 33/2005/QH11 ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005.
 - Căn cứ Luật thương mại của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, số 36/2005/QH11 ban hành ngày 11 tháng 06 năm 2005.
 - Căn cứ nhu cầu và thoả thuận của hai bên
- Hôm nay, ngày 22 tháng 04 năm 2026 tại Công ty CPPT Phú Mỹ đại diện hai bên chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN HÀNG (“BÊN A”): CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ

Số ĐKKD/MST: 0101593638

Địa chỉ : Lô CN3 Khu CN Thạch Thất- Quốc Oai, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024.3633.1073

Người Đại diện: Bà **Nguyễn Thị Thu Trang**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Số tài khoản : 111000006997

Mở tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đống Đa – Hà Nội

Mail : kinhdoanh@phumybakery.com

BÊN MUA HÀNG (“BÊN B”): CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TRỌNG TÍN

Số ĐKKD/MST: **0106535710**

Địa chỉ : Thôn 3 – Xã Nam Phù – Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 0982157254

Fax: 0432171739

Người đại diện : Bà **Nguyễn Thị Thanh Nhài**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Số tài khoản : 118000122508

Mở tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – PGD Hoàng Mai.

Bên Mua và Bên Bán được gọi riêng là Bên và gọi chung là Các Bên.

Sau khi đàm phán, hai Bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá này (sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”) với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1 Bên B đồng ý mua của Bên A các mặt hàng: Bánh bao nhãn hiệu **Phú Mỹ** (Chi tiết trên từng đơn đặt hàng, theo phụ lục danh mục hàng hóa đính kèm).

1.2 Hàng hóa của Bên A đã được đăng ký, xác nhận hoặc kiểm nghiệm về chất lượng theo đúng quy định của nhà nước, cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc và nhãn hiệu hàng hóa (hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa: giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm để sản xuất đối với hàng nội địa, bản công bố chất lượng sản phẩm, giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm đối với mỗi đơn vị hàng hóa mà bên A cung cấp) . Hàng hóa phải được đóng gói theo quy cách đã đăng ký với Bên B..

1.3 Hàng hóa là thực phẩm phải luôn tươi ngon, sạch, không ôi thiu hay bị hỏng; Không sử dụng bất kỳ chất phụ gia hóa chất nào để bảo quản mà chưa đăng kiểm hoặc chưa được sự cho phép của cơ quan chức năng nhà nước.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 2.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký.
- 2.2 Hợp đồng sẽ giữ nguyên hiệu lực trong thời gian thương lượng gia hạn Hợp đồng tối đa là 30 ngày. Khi hết thời hạn thương lượng hợp đồng, nếu hai bên không có ý kiến gì khác thì hợp đồng tự động gia hạn cho các năm tiếp theo.
- 2.3 Khi một trong hai bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo trước ít nhất ba mươi (30) ngày cho Bên kia bằng văn bản cụ thể.
- 2.4 Một Bên có thể chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn với hiệu lực tức thời bằng việc gửi một thông báo bằng văn bản nếu Bên kia vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm 5 lần một trong các điều khoản của Hợp đồng này. (Mỗi lần vi phạm, Bên bị vi phạm đã gửi thông báo cho bên vi phạm bằng văn bản về hành vi vi phạm của bên còn lại).
- Một bên có thể chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn với hiệu lực tức thời bằng việc gửi một thông báo bằng văn bản cho bên kia nếu Bên kia bị giải thể hoặc là đối tượng của thủ tục phá sản.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ

- 3.1 Giá của Hàng hóa mà Bên A bán cho Bên B sẽ được qui định trong bảng giá đính kèm theo Hợp đồng này.
- 3.2 Nếu có sự thay đổi về giá Hàng hóa, mức giá mới chỉ được áp dụng nếu Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất 07 ngày trước ngày áp dụng.

ĐIỀU 4: ĐẶT HÀNG

- 4.1 Bên B sẽ gửi cho Bên A đơn đặt hàng bằng cách chuyển trực tiếp hoặc bằng Fax hoặc bằng thư điện tử
- 4.2 Nếu Bên A không chấp thuận đơn đặt hàng nào vì bất kỳ lý do gì, thì Bên A phải thông báo cho Bên B trong vòng 24 giờ từ khi nhận được đơn đặt hàng. Nếu không có thông báo, đơn đặt hàng được coi là đã được Bên A chấp nhận và mọi quy định trong Hợp đồng này sẽ được áp dụng cho đơn đặt hàng đó.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- 5.1 Giao hàng theo đúng đơn đặt hàng của bên B (chủng loại, quy cách và số lượng, các thông tin liên quan...) như thỏa thuận của 2 bên.
- 5.2 Giao hàng trong phạm vi nội thành Hà Nội
- 5.3 Hạn sử dụng của Hàng hóa tại thời điểm giao cho Bên B phải ít nhất bằng 3/4 so với toàn bộ thời hạn sử dụng của Hàng Hóa ghi trên bao bì.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phương thức thanh toán: Bên B sẽ thực hiện việc thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào ngày 15 hàng tháng toàn bộ cộng nợ phát sinh của tháng trước. Nếu bên B không thanh toán đúng hạn sẽ phải chịu lãi theo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm thanh toán chậm.

ĐIỀU 7: NGHĨA VỤ CỦA NHÀ CUNG CẤP (Bên A)

- 7.1 Đảm bảo rằng Hàng hóa cung cấp cho Bên B đáp ứng đầy đủ các quy định của Pháp luật hiện hành về Hàng hóa đó và đúng yêu cầu của Bên B, đồng thời chịu mọi trách nhiệm về Hàng hóa đó.
- Bên A phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, cung cấp đầy đủ cho Bên B chứng từ liên quan xác nhận nguồn gốc, chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng... của hàng hóa bán mới nhất, còn hiệu lực.
 - Hàng hóa giao cho Bên B phải được đóng gói đúng quy cách, đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm trong vận chuyển, bảo quản.
- 7.2 Bên A phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam liên quan đến công bố và đăng ký chất lượng Hàng Hóa. Bên A phải duy trì và đảm bảo chất lượng Hàng Hóa bán cho Bên B luôn như công bố và đăng ký. Cung cấp đầy đủ cho bên B và chịu trách nhiệm Pháp lý đối với các giấy tờ pháp nhân liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa,

PHÁT T.

IMY
kory

10159363

quy cách, tiêu chuẩn chất lượng... của hàng hóa theo đúng quy định của Nhà nước. Phải duy trì hiệu lực của các giấy tờ này trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này. Trước ngày hết hạn 30 ngày, Bên A phải cung cấp cho Bên B bản sao các loại giấy chứng nhận được gia hạn.

7.3 Bên A phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam về nhãn Hàng Hóa cũng như các quy định về mã số, mã vạch. Bên A phải đảm bảo tất cả Hàng Hóa cung cấp cho Bên B có đầy đủ nhãn bằng Tiếng Việt theo đúng quy định của Pháp luật liên quan.

ĐIỀU 8: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

BÊN A:

8.1 Cam kết không giao cho Bên B hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng in lại hạn sử dụng, hàng quá hạn sử dụng hoặc hàng cận date, hàng có chất lượng không đúng như đã công bố.

8.2 Cam kết cung cấp những chỉ dẫn cần thiết và hỗ trợ cho Bên B để bảo quản hàng hóa tốt nhất.

8.3 Cung cấp mã vạch đúng theo quy định của cơ quan chức năng, khi có sự thay đổi phải thông báo cho Bên B trước 07 ngày. Nếu Bên A cung cấp sai mã vạch, mọi thiệt hại của Bên B, Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

BÊN B:

8.4 Nhận hàng theo đúng đơn đặt hàng Bên B đã đặt. Kiểm tra về chủng loại, quy cách và số lượng, hạn sử dụng, tình trạng hàng hóa, ký và ghi rõ họ tên người nhận.

8.5 Có trách nhiệm tổ chức và tạo mọi điều kiện để hàng hóa của bên A được bày bán trong hệ thống siêu thị của bên B. Đảm bảo hàng hóa được trưng bày và bảo quản đúng quy định không làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa của bên A.

8.6 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

9.1 Bất khả kháng là sự kiện khách quan xảy ra sau khi ký kết Hợp đồng này mà các Bên không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn như chiến tranh, nổi dậy, khởi nghĩa, bạo động, nổi loạn, bạo loạn, động đất, lụt lội hoặc các thảm họa thiên nhiên khác, cháy, nổ, dịch bệnh, đình công, bế xưởng, phong tỏa...(sau đây gọi tắt là "**Bất Khả kháng**"). Bên gặp phải Bất Khả kháng phải nỗ lực và tìm kiếm mọi biện pháp để khắc phục, đồng thời phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về các tình huống Bất Khả kháng và những hậu quả có thể có đối với việc thực hiện Hợp đồng này ngay khi gặp phải sự kiện Bất khả kháng. Trong trường hợp xảy ra sự kiện Bất Khả kháng, thời hạn thực hiện Hợp đồng này có thể sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian diễn ra sự kiện Bất Khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

Nếu Bất khả kháng kéo dài trên 5 ngày, hai bên sẽ gặp gỡ và thương lượng để đi đến giải pháp thỏa đáng cho tình huống đó. Trong trường hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc thực hiện Hợp đồng trong vòng 5 ngày, mỗi Bên sẽ có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 10: CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

10.1 Hợp đồng được hai bên thống nhất hủy bỏ hoặc chấm dứt.

10.2 Hợp đồng cung cấp hàng hoá có thể chấm dứt trước thời hạn theo yêu cầu của một trong hai bên và phải thông báo cho bên kia bằng văn bản ít nhất 30 ngày.

10.3 Các bên phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng này với nhau, với các cơ quan Nhà nước liên quan (nếu có) trước khi chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng.

ĐIỀU 11. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

10.1 Nếu Bên A vi phạm một trong các điều khoản quy định tại Điều 8 của hợp đồng này hoặc Bên A giao hàng không đúng chất lượng, giao hàng giả, hàng nhái, hàng sắp hết hạn sử dụng nhưng

PHÂN
PH
Bu
MSDN: 0

5710
3 TY
HÀN
PHẨM
G TÍN
10 HÀ P

Bên A cố tình gắn date mới vào nhãn hàng, hàng kém chất lượng, hàng không đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã công bố thì ngoài nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại những tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên A gây ra, Bên A còn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng cho Bên B do giao hàng không đúng như cam kết. Mức phạt vi phạm hợp đồng đối với Bên A trong trường hợp này như sau:

Chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên A vi phạm từ 3 lần trở lên, không có biện pháp khắc phục, không có công văn phúc đáp khi Bên B yêu cầu giải trình các nội dung về hàng hóa quy định tại Điều 8 của hợp đồng này.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

12.1 Các phụ lục của Hợp đồng có giá trị ràng buộc 2 bên và là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

12.2 Pháp Luật điều chỉnh của hợp đồng này là Pháp Luật Việt Nam

Hai bên sẽ cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản của Hợp đồng thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại cho phía bên kia. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh một số việc ngoài Hợp đồng, hai bên sẽ gặp nhau cùng bàn bạc giải quyết; nếu không giải quyết được một trong hai bên có quyền đưa ra tòa án có thẩm quyền giải quyết theo Quy định của Pháp luật.

12.3 Việc bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và được ký kết bởi 2 bên.

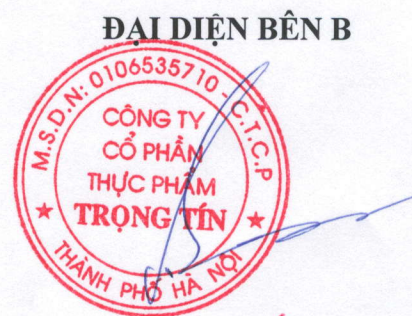
12.4 Mỗi bên phải giữ bí mật nội dung của Hợp đồng này và không được tiết lộ trong bất cứ hoàn cảnh nào. Điều khoản này có hiệu lực sau khi chấm dứt Hợp đồng.

12.5 Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị mất hiệu lực pháp lý hoặc không thể thực hiện được thì các điều khoản khác của Hợp đồng vẫn tiếp tục có hiệu lực ràng buộc đối với các Bên. Mọi sửa đổi và bổ sung vào Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Bản sửa đổi bổ sung này sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký.

12.6 Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thu Trang



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh Nhài

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0101593638

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 12 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 08 tháng 12 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU MY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHUMICO., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN3, khu công nghiệp Thạch Thất-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.633.1073

Fax:

Email: hr@phumybakery.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001179019274

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: CH3322 R1, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH3322 R1, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền

CÔNG TY TNHH CHỨNG NHẬN TQCSI VIỆT NAM

Tầng 6 Tòa Nhà Zen Tower, Số 12 Khuất Duy Tiên, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462691163 Email: tqcsivn.office@gmail.com



CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ

MSDN: 0101593638

Lô CN3, Khu Công Nghiệp Thạch Thát - Quốc Oai, Xã Tây Phương,
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

áp dụng

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018

Đăng ký chứng nhận bao gồm lĩnh vực: Sản xuất đế bánh pizza và bánh bao.

Số đăng ký: VN705-FS

Ngày phê duyệt chứng nhận: 15/10/2025

Ngày cấp chứng nhận: 16/10/2025

Ngày chứng nhận ban đầu: 21/10/2013

Ngày hết hiệu lực: 18/10/2028



Sean Bates

Tổng Giám đốc

TQCS International Pty Ltd

Thay mặt Hội đồng phê duyệt chứng nhận TQCSI

Phạm Thăng Lợi

Giám đốc Chứng nhận

Công ty TNHH Chứng nhận TQCSI Việt Nam



Từ ngày 19/10/2026, Giấy chứng nhận có hiệu lực nếu Công ty thực hiện duy trì hoạt động đánh giá giám sát và kèm theo Quyết định duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận của TQCSI Việt Nam. Đánh giá giám sát định kỳ lần 1 sẽ được thực hiện trước ngày 18/10/2026 và đánh giá giám sát định kỳ lần 2 sẽ được thực hiện trước ngày 18/10/2027.



TQCS International Pty Ltd



www.iaf.nu



www.ias-anz.org/register

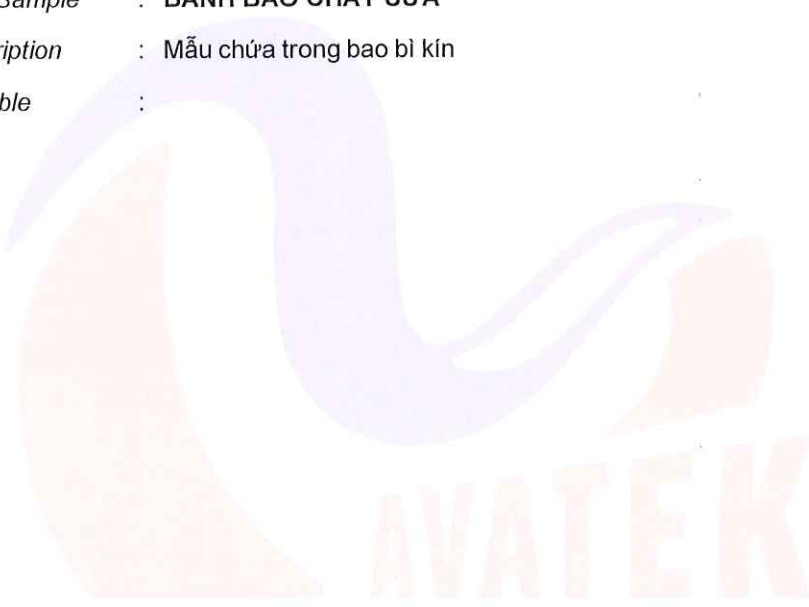


Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-3 (1/2)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN3, khu công nghiệp Thạch-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 18/06/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 18/06/2025 - 28/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/06/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH BAO CHAY SỮA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	253	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	7.55	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	53.8	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	10.8	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	0.886	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	1.59	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**),(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**),(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng./ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp./ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 02 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 02 reports in the overall analysis.





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Khẩu phần 100 g <i>Serving size 100 g</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
Năng lượng (Energy)	253	kcal	13%
Chất đạm (Protein)	7.55	g	15%
Carbohydrat không bao gồm xơ (Carbohydrate not included fiber)	53.8	g	17%
Đường tổng số (Total Sugars)	10.8	g	-
Béo tổng (Total Fat)	0.886	g	2%
Natri (Sodium)	1.59	mg	0%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate not included fiber: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Total Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

MAI DUY

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-3 (2/2)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN3, khu công nghiệp Thạch-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 18/06/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 18/06/2025 - 28/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/06/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH BAO CHAY SỮA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	35.1	%	AVA-KN-PP.HL/05
3	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
4	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
5	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
6	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
11	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211



[Handwritten signature]





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
14	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
15	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 02 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 02 reports in the overall analysis.



PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

MAI DUY

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH



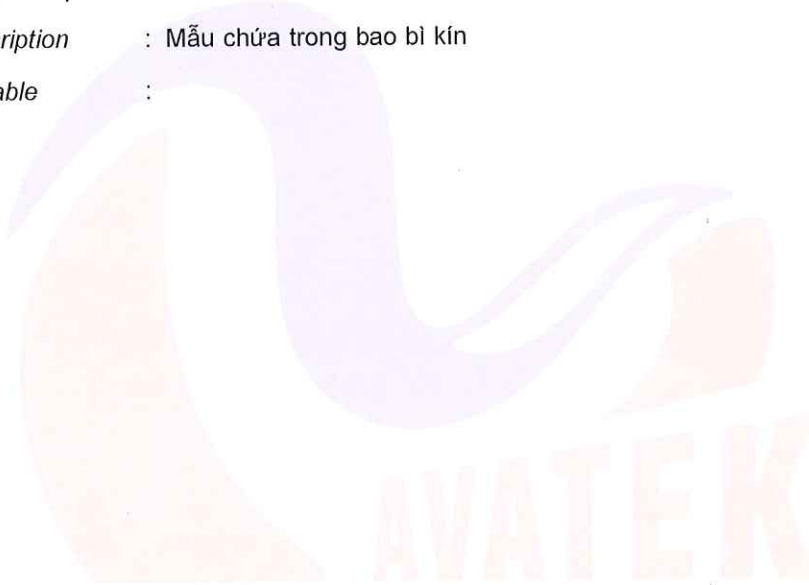


Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-7 (1/2)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN3, khu công nghiệp Thạch-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 18/06/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 18/06/2025 - 28/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/06/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH BAO CHAY CHIÊN
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :



Handwritten signature





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	254	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	6.94	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	53.3	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	11.2	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	1.43	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	1.32	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 02 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 02 reports in the overall analysis.

(Handwritten signature)





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Khẩu phần 100 g <i>Serving size 100 g</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
Năng lượng (Energy)	254	kcal	13%
Chất đạm (Protein)	6.94	g	14%
Carbohydrat không bao gồm xơ (Carbohydrate not included fiber)	53.3	g	16%
Đường tổng số (Total Sugars)	11.2	g	-
Béo tổng (Total Fat)	1.43	g	3%
Natri (Sodium)	1.32	mg	0%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
 Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate not included fiber: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Total Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

MAI DUY

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOANG VINH





Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-7 (2/2)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN3, khu công nghiệp Thạch-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 18/06/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 18/06/2025 - 28/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/06/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH BAO CHAY CHIÊN
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	35.7	%	AVA-KN-PP.HL/05
3	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
4	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
5	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
6	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
11	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211



B



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
14	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
15	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đĩa đếm : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 02 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 02 reports in the overall analysis.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



MAI DUY

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-15 (2/2)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN3, khu công nghiệp Thạch-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 18/06/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 18/06/2025 - 28/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/06/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH BAO NHÂN XÁ XÍU
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	38.5	%	AVA-KN-PP.HL/05
3	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
4	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
5	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
6	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
11	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
14	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
15	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	0.013	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi. / (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản. / (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp. / Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp. / Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện. / According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện. / According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện). / According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ". / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 02 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 02 reports in the overall analysis.



PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

MAI DUY

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

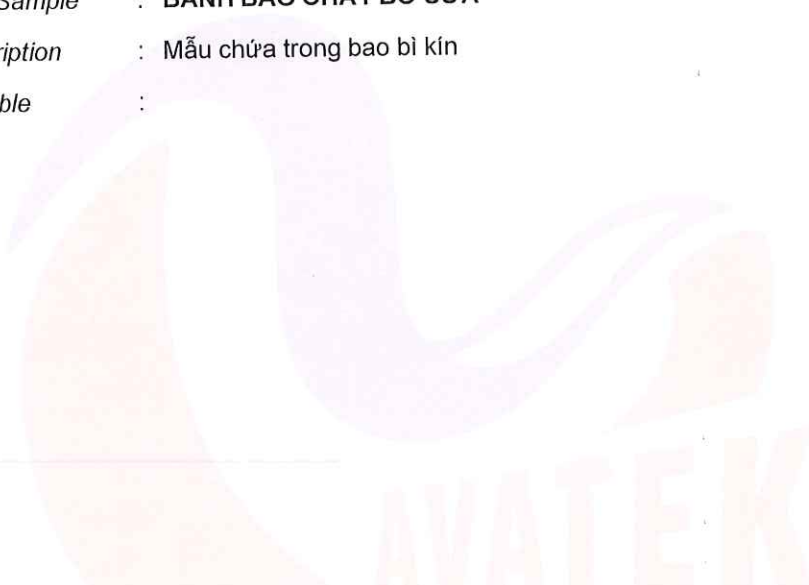




Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-16 (1/2)
TEST REPORT

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN3, khu công nghiệp Thạch-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 18/06/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 18/06/2025 - 28/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/06/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH BAO CHAY BƠ SỮA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :



Handwritten signature





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-16 (1/2)
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	257	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	8.50	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	53.5	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	13.0	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
5	Béo tổng (*) / Total fat (*)	1.02	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
6	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	2.58	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 02 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 02 reports in the overall analysis.

(Handwritten signature)



22663
 CƠ PHÂN
 NGHIỆM
 TEK
 HỒ CHÍ



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-16 (1/2)
TEST REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Khẩu phần 100 g <i>Serving size 100 g</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
Năng lượng (Energy)	257	kcal	13%
Chất đạm (Protein)	8.50	g	17%
Carbohydrat không bao gồm xơ (Carbohydrate not included fiber)	53.5	g	16%
Đường tổng số (Total Sugars)	13.0	g	-
Béo tổng (Total Fat)	1.02	g	2%
Natri (Sodium)	2.58	mg	0%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate not included fiber: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Total Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

MAI DUY

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-16 (2/2)
TEST REPORT

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ
Địa chỉ/ Client's Address : Lô CN3, khu công nghiệp Thạch-Quốc Oai, Thị trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 18/06/2025
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 18/06/2025 - 28/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/06/2025
Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÁNH BAO CHAY BƠ SỮA
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	34.0	%	AVA-KN-PP.HL/05
3	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
4	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
5	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
6	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
11	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

B





KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM Mã số/ Ref. No: QJG8250600429-16 (2/2)
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
13	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
14	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
15	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (**)(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi / (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản / (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp / Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK / This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp / Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh / For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện / According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện / According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện) / According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học / For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 02 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể / The results presented in this report constitute one part of the total 02 reports in the overall analysis.



PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

MAI DUY

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

